

CÔNG TY CỔ PHẦN NO.1 FRANCHISE VŨNG TÀU
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN NO.1 FRANCHISE VŨNG TÀU

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NO.1 FRANCHISE VUNG TAU JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: NO.1 FRANCHISE VUNG TAU JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 3502434045

3. Ngày thành lập: 27/08/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

208 Bình Giã, Phường 8, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh. Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh. Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự. Bán buôn dụng cụ y tế. Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện. Bán buôn hàng kim khí điện máy. Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm. bán buôn đồ lưu niệm	4649
2.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
3.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác (không hoạt động tại trụ sở)	2393
4.	Xây dựng nhà để ở	4101
5.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
6.	Xây dựng nhà không để ở	4102
7.	Bán buôn đồ uống	4633
8.	In ấn (không hoạt động tại trụ sở)	1811
9.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp	4299
10.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
11.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Môi giới bất động sản	6820
12.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322

13.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp	7110
14.	Cho thuê xe có động cơ	7710
15.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: khách sạn, biệt thự du lịch, căn hộ du lịch, nhà nghỉ du lịch, nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê	5510
16.	Bán buôn tổng hợp	4690
17.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị. Bán lẻ trong các cửa hàng tiện lợi	4719
18.	Cơ sở lưu trú khác Chi tiết: ký túc xá sinh viên, nhà ở tập thể cho công nhân	5590
19.	Quảng cáo	7310
20.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
21.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh, dụng cụ y tế	4772
22.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
23.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
24.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt (trừ giết mổ gia súc, gia cầm)	1010
25.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
26.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
27.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
28.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
29.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
30.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
31.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
32.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh chi tiết: Bán lẻ hoa cảnh, cây cảnh; Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ; Bán lẻ tranh, ảnh, mắt kính, đồng hồ	4773
33.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
34.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
35.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752

36.	Đại lý du lịch	7911
37.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Đại lý bán vé máy bay, vé tàu	5229
38.	Điều hành tua du lịch Chi tiết: Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa, quốc tế	7912
39.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
40.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
41.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
42.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
43.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
44.	Xây dựng công trình thủy	4291
45.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
46.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
47.	Bán buôn thực phẩm	4632
48.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
49.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
50.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
51.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
52.	Cắt tóc, làm đầu, gội đầu chi tiết: Cắt tóc, gội đầu, uốn, sấy, nhuộm tóc, duỗi thẳng, ép tóc và các dịch vụ làm tóc khác phục vụ cả nam và nữ; Cắt, tỉa và cạo râu; Massage mặt, làm móng chân, móng tay, trang điểm (trừ hoạt động gây chảy máu).	9631
53.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện Chi tiết: Sản xuất đồ lưu niệm, đồ dùng trang trí nội thất	1629
54.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
55.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Dịch vụ Thương mại điện tử. Nhượng quyền thương mại, xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh..	8299
56.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Tư vấn và chuyển giao công nghệ	7490
57.	Hoạt động của các cơ sở thể thao	9311
58.	Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao	9312
59.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321
60.	Lập trình máy vi tính	6201
61.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202

62.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
63.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
64.	Cổng thông tin Chi tiết: Thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp	6312
65.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại Chi tiết: Tổ chức hội nghị, hội thảo (không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh).	8230
66.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
67.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
68.	Phá dỡ	4311
69.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển)	4933
70.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
71.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Trang trí nội ngoại thất, thiết kế Website	7410
72.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Bán buôn sắt, thép	4662
73.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
74.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
75.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
76.	Giáo dục nhà trẻ	8511
77.	Giáo dục mẫu giáo	8512
78.	Giáo dục tiểu học	8521
79.	Giáo dục trung học cơ sở	8522
80.	Giáo dục trung học phổ thông	8523
81.	Đào tạo sơ cấp	8531
82.	Đào tạo trung cấp (không hoạt động tại trụ sở)	8532
83.	Đào tạo cao đẳng (không hoạt động tại trụ sở)	8533
84.	Đào tạo đại học (không hoạt động tại trụ sở)	8541
85.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: đào tạo nghề, dạy nghề	8559
86.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
87.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	8552
88.	Hoạt động tư vấn quản lý Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (trừ tư vấn kế toán và tài chính).	7020(Chính)

89.	Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, các quy định khác của pháp luật có liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp và các điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện	Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam
-----	---	--

6. Vốn điều lệ: 10.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN LÝ QUỲNH HOA	157/28C Đường D2, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	550.000	5.500.000.000	55,000	075175000532	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	550.000	5.500.000.000	55,000		

2	BÙI THỊ THU	208 Bình Giã, Phường 8, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	210.000	2.100.000.000	21,000	077170001283
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	210.000	2.100.000.000	21,000	
3	ĐẠI NGỌC KHÁNH CHÂU	2/19 Đường số 14, Khu phố 2, Phường Linh Chiểu, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	240.000	2.400.000.000	24,000	022929252
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	240.000	2.400.000.000	24,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: ĐẠI NGỌC KHÁNH CHÂU

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 08/01/1976

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 022929252

Ngày cấp: 24/12/2011

Nơi cấp: CA TP.Hồ Chí Minh

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 2/19 Đường số 14, Khu phố 2, Phường Linh Chiểu, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: 2/19 Đường số 14, Khu phố 2, Phường Linh Chiểu, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu